

THÚC ĐẨY GIAO LƯU NHÂN DÂN VIỆT NAM – HÀN QUỐC GIAI ĐOẠN 2009-2024 THÔNG QUA HỢP TÁC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO PROMOTING PEOPLE – TO - PEOPLE DIPLOMACY BETWEEN VIETNAM AND SOUTH KOREA DURING THE PERIOD 2009 – 2024 THROUGH EDUCATIONAL AND TRAINING COOPERATION

Đặng Thị Quỳnh Hoa, Võ Thị Giang*

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: vtgiang@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 20/02/2025; Sửa bài / Revised: 21/5/2025; Chấp nhận đăng / Accepted: 24/5/2025)

DOI: 10.31130/ud-jst.2025.23(5B).086NN

Tóm tắt - Sau hơn 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, mối quan hệ giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã có những bước tiến mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực, trở thành đối tác chiến lược toàn diện. Để tăng cường mối quan hệ hữu nghị của hai quốc gia, Việt Nam và Hàn Quốc đã không ngừng tăng cường hợp tác, đẩy mạnh giao lưu nhân dân, trong đó hợp tác giáo dục – đào tạo được đặc biệt chú trọng. Bài nghiên cứu tập trung làm rõ thực tiễn triển khai hoạt động hợp tác giáo dục – đào tạo giữa hai quốc gia giai đoạn 2009 – 2024, qua đó đánh giá tác động của những hoạt động này đến việc thúc đẩy hoạt động ngoại giao nhân dân giữa hai quốc gia, và dự báo triển vọng hợp tác giáo dục – đào tạo giữa hai nước đến năm 2030.

Từ khóa - Giao lưu nhân dân; hợp tác giáo dục – đào tạo; Việt Nam; Hàn Quốc

1. Đặt vấn đề

Quan hệ ngoại giao Việt Nam – Hàn Quốc được thiết lập từ đầu những thập niên 90 của thế kỷ XX. Đến năm 2009, nhân chuyến thăm chính thức của Tổng thống Hàn Quốc Lee Myung-bak, Việt Nam và Hàn Quốc đã thiết lập Quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược (2009), tạo tiền đề cho việc nâng cấp quan hệ song phương lên Đối tác chiến lược toàn diện (2023). Trên tiến trình đó, hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã trở thành một lĩnh vực được ưu tiên, đóng vai trò là cầu nối văn hoá, tăng cường hiểu biết lẫn nhau và góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho quan hệ song phương. Sau hơn 30 năm, hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, đặc biệt là sự tăng lên nhanh chóng số lượng sinh viên Việt Nam tại Hàn Quốc từ 37.426 người vào năm 2019 lên 43.361 người vào năm 2023, chiếm gần 23% tổng số sinh viên quốc tế tại Hàn Quốc [1], [2].

Do đó, việc nghiên cứu khía cạnh hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Hàn Quốc là cần thiết, đặc biệt trong giai đoạn 2009-2024 nhằm làm rõ vai trò của giáo dục – đào tạo việc thúc đẩy quan hệ ngoại giao nhân dân, đánh giá hiệu quả của các chương trình hợp tác hiện tại, và dự báo triển vọng hợp tác trong tương lai. Những kết quả nghiên cứu này không chỉ đóng góp vào sự phát triển của ngành giáo dục mà còn góp phần vào việc xây dựng mối quan hệ bền vững và lâu dài giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

Abstract - After more than 30 years of establishing diplomatic relations, the relationship between Vietnam and South Korea has made significant progress in all areas, becoming a comprehensive strategic partnership. In order to strengthen the friendly relations between the two countries, Vietnam and South Korea have continuously enhanced cooperation and promoted people-to-people exchanges, with particular emphasis on education and training cooperation. This study focuses on clarifying the practical implementation of education and training cooperation between the two countries during the period from 2009 to 2024, assessing the impact of these activities on promoting people-to-people diplomacy between the two nations, and forecasting the prospects of education and training cooperation between the two countries until 2030.

Key words - People - to - people diplomacy; education and training cooperation; Vietnam; South Korea

2. Tổng quan về đối ngoại nhân dân và vai trò của hợp tác giáo dục – đào tạo trong việc tăng cường thúc đẩy giao lưu nhân dân

2.1. Tổng quan về đối ngoại nhân dân

Theo nhà ngoại giao người Anh Harold Nicolas, ngoại giao nhà nước không phải lúc nào cũng phát huy tác dụng. Do đó, sự xuất hiện của ngoại giao nhân dân như một công cụ ngoại giao ngày càng trở nên phổ biến trong một thế giới kết nối với nhau thông qua đối thoại để đạt được những mục tiêu mà khó có thể đạt được thông qua kênh ngoại giao nhà nước [3]. Trên thế giới, thuật ngữ “public diplomacy” được sử dụng rộng rãi và được hiểu là “ngoại giao công chúng” hoặc “ngoại giao nhân dân” hay “đối ngoại nhân dân”, do tính chất đa dạng của hoạt động ngoại giao này. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, nhóm tác giả sử dụng thống nhất thuật ngữ “đối ngoại nhân dân” khi nhắc đến hoạt động đối ngoại của Việt Nam để phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và nhà nước Việt Nam, tuy nhiên vẫn dùng thuật ngữ “ngoại giao nhân dân” để tiếp cận hoạt động của các quốc gia trên thế giới.

Ngoại giao công chúng thực sự được xem là một lĩnh vực và được nghiên cứu toàn diện khi lần đầu tiên được đưa ra vào năm 1965 bởi nhà ngoại giao người Mỹ Edmund Gullion – cha đẻ trung tâm Ngoại giao công chúng Edward R. Murrow. Theo ông, ngoại giao công chúng là “...*đề cập đến*

¹ The University of Danang - University of Foreign Languages Studies, Vietnam (Dang Thi Quynh Hoa, Vo Thi Giang)

ảnh hưởng từ thái độ của công chúng đối với việc xây dựng và thực thi chính sách đối ngoại của quốc gia. Nó vượt trên cả phạm vi hoạt động ngoại giao truyền thống bởi chính phủ quốc gia đã chủ trọng đến ngôn luận ở nước ngoài, sự tương tác lợi ích giữa các nhóm cá nhân, giữa lợi ích nước này với lợi ích nước khác” [4]. Ở Việt Nam, đối ngoại nhân dân (people-to-people diplomacy) được hiểu là hoạt động đối ngoại không thuộc đối ngoại Đảng và ngoại giao nhà nước, mà do các đoàn thể quần chúng, tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và các cá nhân thuộc mọi tầng lớp nhân dân thực hiện [5]. Bản về công tác đối ngoại nhân dân, Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng năm 2001 nêu rõ về công tác đối ngoại nhân dân: “Mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường quan hệ song phương và đa phương với các tổ chức nhân dân các nước, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân ta và nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới” [6]. Theo đó, giáo dục – đào tạo được xem là một hợp phần trong bức tranh tổng thể của hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần đưa hình ảnh con người Việt Nam nỗ lực, tài năng, đất nước Việt Nam hùng cường đến gần hơn với bạn bè quốc tế thông qua tri thức, đồng thời mang quốc tế đến gần hơn với Việt Nam thông qua trao đổi, hợp tác nghiên cứu và đào tạo.

2.2. Vai trò của hợp tác giáo dục trong việc tăng cường thúc đẩy giao lưu nhân dân

Thứ nhất, hợp tác giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc. Thông qua các chương trình hợp tác, sinh viên và giảng viên từ nhiều quốc gia có cơ hội cùng học tập, nghiên cứu và sinh hoạt trong một môi trường chung. Quá trình này không chỉ giúp họ tiếp thu kiến thức chuyên môn mà còn mở rộng tầm nhìn thông qua việc học hỏi văn hóa, ngôn ngữ, lối sống và hệ giá trị của nhau. Sự tiếp xúc trực tiếp này là chìa khóa để phá vỡ các định kiến, tăng cường sự đồng cảm và tôn trọng sự khác biệt, từ đó tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự hòa hợp và gắn kết giữa các dân tộc.

Thứ hai, hợp tác giáo dục góp phần tạo nền tảng cho những mối quan hệ bền vững giữa nhân dân, tổ chức và quốc gia. Những trải nghiệm chung trong môi trường giáo dục quốc tế giúp hình thành các mối quan hệ cá nhân sâu sắc và thúc đẩy sự liên kết chặt chẽ giữa các trường đại học, tổ chức và cộng đồng. Các cựu du học sinh sau khi trở về nước thường đóng vai trò cầu nối quan trọng, góp phần thúc đẩy các chương trình hợp tác, kinh doanh và ngoại giao trong tương lai. Nhờ vậy, hợp tác giáo dục không chỉ mang lại giá trị trước mắt mà còn tạo ra mạng lưới kết nối bền vững, thúc đẩy sự phát triển lâu dài giữa các quốc gia.

Thứ ba, hợp tác giáo dục xây dựng lòng tin và thúc đẩy hòa bình giữa các quốc gia. Thông qua giao lưu học thuật và giáo dục, các nước có thể cùng nhau giải quyết những vấn đề toàn cầu, từ biến đổi khí hậu đến phát triển bền vững. Những cuộc đối thoại tri thức giúp nâng cao sự tin cậy lẫn nhau và giúp giảm thiểu nguy cơ xung đột. Việc xây dựng lòng tin qua giáo dục tạo nền tảng vững chắc cho sự hợp tác trong các lĩnh vực khác như kinh tế, chính trị và an ninh, từ đó góp phần quan trọng vào việc duy trì hòa bình và ổn định ở khu vực lẫn toàn cầu.

Chính vì những lợi ích to lớn mà hợp tác giáo dục – đào tạo mang lại đối với việc thúc đẩy giao lưu nhân dân như là tăng cường hiểu biết lẫn nhau, xây dựng nền tảng cho sự phát triển mối quan hệ bền vững và xây dựng lòng tin, thúc đẩy hòa bình, Hàn Quốc và Việt Nam đã không ngừng nỗ lực đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực này. Hai quốc gia đã triển khai nhiều chương trình trao đổi học thuật, học bổng và các dự án nghiên cứu chung nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên, giảng viên và nhà nghiên cứu từ cả hai nước. Những nỗ lực này giúp thắt chặt mối quan hệ song phương và góp phần vào việc xây dựng một cộng đồng quốc tế hòa hợp và phát triển.

3. Các nhân tố tác động đến thực tiễn triển khai hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Hàn Quốc giai đoạn 2009 – 2024

Ngoài vai trò trọng yếu của hợp tác giáo dục – đào tạo trong việc tăng cường thúc đẩy giao lưu nhân dân, tăng cường quan hệ song phương giữa hai quốc gia như được trình bày ở mục 2.2, còn có những nhân tố khác tác động đến thực tiễn triển khai hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Hàn Quốc giai đoạn 2009-2024, cụ thể:

3.1. Nhân tố bên trong

3.1.1. Về phía Việt Nam

Chủ trương hội nhập quốc tế trong giáo dục – đào tạo đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định là định hướng chủ đạo, thể hiện rõ trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Nghị quyết nhấn mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ quốc tế, tiếp thu tri thức, đặc biệt là về quản lý, khoa học - công nghệ, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, đồng thời quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam đến với bạn bè quốc tế [8]. Theo đó, các chính sách cũng được triển khai thông qua nhiều đề án và các chương trình hành động. Cụ thể, Đề án “Hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề đến năm 2020” với mục tiêu là phát triển một số cơ sở giáo dục đại học và dạy nghề đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo và dạy nghề tiếp cận nền giáo dục tiên tiến của các nước [9], [10].

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng, Việt Nam luôn thể hiện quyết tâm tăng cường hợp tác quốc tế thông qua các văn kiện, tuyên bố chung và chiến lược phát triển. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET), năm 2023, Việt Nam đã ký kết 15 thỏa thuận hợp tác giáo dục với các nước như Phần Lan, Úc và Nhật Bản, tập trung vào trao đổi sinh viên, đào tạo kỹ năng số, và chuyển giao chương trình đào tạo [11]. Đặc biệt, chương trình “Kết nối trường đại học Việt Nam - Châu Âu” (2023-2026) đã thu hút hơn 50 cơ sở giáo dục tham gia, tạo cơ hội cho 5.000 sinh viên tiếp cận học bổng du học. Những nỗ lực này thể hiện tư duy đối ngoại “chủ động, tích cực, có trách nhiệm” và khẳng định vai trò của Việt Nam như một đối tác đáng tin cậy trong hợp tác giáo dục toàn cầu, hướng đến xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Hàn Quốc là một trong những quốc gia có nền giáo dục tiên tiến và chất lượng giáo dục cao, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ và khoa học kỹ thuật. Tỷ lệ biết chữ gần như tuyệt đối (98,8%) [12], cùng thứ hạng cao trên bảng xếp hạng

giáo dục quốc tế. Theo báo cáo thường niên của UN News Best Countries, Hàn Quốc là quốc gia đứng đầu trong bảng xếp hạng giáo dục năm 2024, và đứng trong top 10 của Chương trình đánh giá sinh viên quốc tế (PISA) do Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) công bố vào năm 2022 về đọc hiểu, toán và khoa học [13]. Những con số này đã khẳng định chất lượng giáo dục vượt trội của quốc gia này.

Hàn Quốc cũng đầu tư nguồn lực rất lớn vào nghiên cứu phát triển (R&D), duy trì tỷ lệ đầu tư R&D cao nhất trong các quốc gia OECD, đạt 4,81% GDP vào năm 2022 [14]. Hàn Quốc liên tục đứng thứ 4 toàn cầu về số lượng đơn đăng ký xin cấp bằng sáng chế quốc tế (PCT) với 22.124 đơn đăng ký năm 2023, tăng 9,3% so với 2022 [15]. Sản lượng công nghệ sinh học của Hàn Quốc hàng năm đạt 34,5 tỉ USD tính đến năm 2020 và dự kiến đạt 76,8 tỉ USD vào năm 2030 [16]. Bên cạnh đó, tính đến năm 2021, Hàn Quốc có hơn 330 công ty được phẩm hoạt động trong lĩnh vực công nghệ sinh học [16]. Chương trình đào tạo kết hợp lý thuyết và thực tiễn như “Work-Learn Dual System” cho phép sinh viên tham gia dự án R&D ngay từ năm thứ hai, với 40% sinh viên tốt nghiệp được tuyển dụng trực tiếp bởi đối tác công nghiệp [17]. Hàn Quốc cũng tích cực thu hút sinh viên quốc tế với các chương trình học bổng toàn phần như Global Korea Scholarship (GKS), đặc biệt trong các ngành STEM. Năm 2024, số sinh viên quốc tế trong lĩnh vực này tăng 18%, đạt khoảng 85.000 người [18]. Đặc biệt, 30% nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Hàn Quốc tham gia vào các dự án R&D liên quan đến AI và năng lượng tái tạo. Thông qua chương trình Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA), Hàn Quốc còn đóng vai trò quan trọng trong đào tạo nhân lực công nghệ cho các nước đang phát triển, với tổng vốn đầu tư đạt 1,2 tỷ USD do Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) điều phối [19].

Chính vì có chất lượng giáo dục – đào tạo tốt, Việt Nam mong muốn đẩy mạnh và tăng cường hợp tác với Hàn Quốc để học hỏi kinh nghiệm và nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo của Việt Nam, hướng tới mục tiêu quốc tế hoá giáo dục như định hướng của Đảng và Nhà nước [20]. Cùng với đó, Hàn Quốc là một trong những đối tác chiến lược của Việt Nam ở khu vực Đông Á. Hợp tác giáo dục – đào tạo với Hàn Quốc sẽ giúp Việt Nam tiếp cận với các phương pháp giảng dạy hiện đại, công nghệ giáo dục tiên tiến và các chương trình đào tạo chất lượng cao, từ đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho Việt Nam, sẵn sàng cho mục tiêu hội nhập sâu rộng của đất nước [21].

3.1.2. Về phía Hàn Quốc

Hợp tác giáo dục – đào tạo với Việt Nam giúp Hàn Quốc tiếp cận với nguồn nhân lực trẻ, năng động và có tiềm năng phát triển cao. Việt Nam có cơ cấu dân số vàng với tỷ lệ người trong độ tuổi lao động là 53,0 triệu người, chiếm khoảng 68,9% tổng dân số Việt Nam năm 2024 [22]. Việt Nam có tiềm năng để cung cấp một nguồn nhân lực dồi dào và có chất lượng, sẵn sàng tham gia vào các chương trình đào tạo và nghiên cứu của Hàn Quốc. Đồng thời, việc hợp tác này không chỉ giúp Hàn Quốc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp mũi nhọn mà còn tạo ra những cơ hội hợp tác nghiên cứu và phát triển trong các lĩnh vực công nghệ cao và khoa học kỹ thuật. Điều này góp phần nâng cao vị thế và ảnh hưởng của Hàn

Quốc trên trường quốc tế.

Bên cạnh đó, Hàn Quốc muốn đưa tiếng Hàn và văn hoá Hàn Quốc đến gần hơn với nhân dân Việt Nam, trong nỗ lực quảng bá sức mạnh mềm và thương hiệu quốc gia của nước này tại khu vực [23]. Theo đó, Hàn Quốc đã triển khai nhiều chính sách và chương trình nhằm khuyến khích sinh viên Việt Nam đến học tập tại các trường đại học Hàn Quốc, đồng thời tăng cường hợp tác nghiên cứu và trao đổi khoa học giữa các nghiên cứu của hai quốc gia thông qua sự điều phối của các cơ quan như Quỹ Giao lưu Quốc tế Hàn Quốc (KF) và KOICA. Năm 2022, Tổng thống Hàn Quốc Yoon Suk Yeol cho biết lãnh đạo hai nước nhất trí tạo điều kiện, thúc đẩy các hoạt động giao lưu nhân dân, hợp tác cấp Chính phủ để đẩy mạnh giao lưu nhân dân hai nước thông qua giảng dạy tiếng Hàn [24].

Ngoài ra, Hàn Quốc đang nỗ lực mở rộng ảnh hưởng của mình tại khu vực Đông Nam Á. Điều này thể hiện rõ ở chính sách hướng Nam mới của Hàn Quốc, tập trung hướng tới Đông Nam Á. Ngày 5 tháng 12 năm 2022, trong buổi họp báo với Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Tổng thống Hàn Quốc Yoon Suk Yeol cho biết Hàn Quốc tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với Việt Nam và coi “*Việt Nam là quốc gia trung tâm và đối tác hợp tác trọng tâm trong Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương và sáng kiến hợp tác Hàn Quốc với ASEAN của Hàn Quốc*” [25]. Tăng cường hợp tác giáo dục – đào tạo với Việt Nam giúp Hàn Quốc tăng cường sự hiện diện và ảnh hưởng của mình trong khu vực Đông Nam Á. Việt Nam là một quốc gia có vị trí địa lý chiến lược, nằm ở trung tâm của khu vực Đông Nam Á và có mối quan hệ ngoại giao tốt đẹp với nhiều quốc gia trong khu vực. Việc tăng cường hợp tác giáo dục với Việt Nam không chỉ giúp Hàn Quốc mở rộng mạng lưới hợp tác giáo dục mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy các mối quan hệ kinh tế, văn hóa và xã hội với các quốc gia khác trong khu vực.

3.2. Nhân tố bên ngoài

Hợp tác quốc tế trong giáo dục và nghiên cứu khoa học là một xu hướng tất yếu. Trong thế kỷ XXI, hợp tác quốc tế về giáo dục và nghiên cứu khoa học mang tính chiến lược đối với quốc gia nhằm ứng phó với các vấn đề toàn cầu [26]. Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, giáo dục – đào tạo yêu cầu cần phải đẩy mạnh phát triển, sáng tạo, không ngừng đổi mới, thích ứng nhanh với xu thế toàn cầu [27]. Hợp tác quốc tế mở đường cho quá trình nâng cao chất lượng đội ngũ tri thức của mỗi quốc gia [27]. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục và nghiên cứu khoa học còn phải đảm bảo sự tôn trọng lẫn nhau, phát triển bền vững, không ngừng trau dồi kiến thức, đóng góp cho sự thịnh vượng của cộng đồng nước nhà và cộng đồng toàn cầu. Từ đó, sự hợp tác giữa các quốc gia sẽ là đôi bên cùng có lợi và phát triển bền vững.

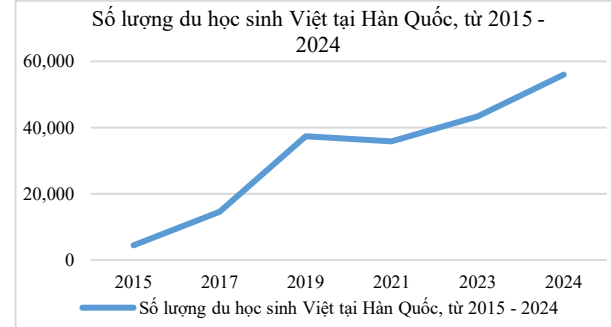
Thêm vào đó, quốc tế hóa giáo dục đóng vai trò quan trọng trong mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Mục tiêu quan trọng nhất của quốc tế hóa giáo dục là nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục, trình độ kỹ thuật, nâng cấp trải nghiệm môi trường học tập và mở rộng cơ hội việc làm [26]. Song song với nhu cầu tăng cường sự hiểu biết văn hóa và giao lưu nhân dân giữa các quốc gia, quốc tế hóa giáo dục là hành trang tối ưu về nền tảng kiến thức và kỹ năng cho học sinh, sinh viên hội nhập quốc tế. Đây còn được coi

như một kênh quảng bá văn hóa, giúp cộng đồng quốc tế hiểu thêm về những nét văn hoá của một quốc gia, góp phần đưa hình ảnh đất nước đến gần hơn với bạn bè quốc tế.

4. Thực tiễn triển khai hoạt động hợp tác giáo dục – đào tạo Việt Nam – Hàn Quốc giai đoạn 2009-2024

Theo thống kê từ Bộ Giáo dục Hàn Quốc, số lượng sinh viên Việt Nam sang Hàn Quốc vào năm 2023 là 43.361, đứng thứ hai trong tổng số sinh viên quốc tế đến Hàn Quốc du học. Đến năm 2024, số lượng sinh viên Việt Nam học tập tại Hàn Quốc là 56.003. Từ năm 2018 đến 2023, số lượng sinh viên Việt Nam tăng từ 19% lên đến 23,8% [28].

Hình 1 cho thấy, Việt Nam có số lượng sinh viên tham gia học tập tại Hàn Quốc tăng qua từng năm, mặc dù giai đoạn 2019-2021 có phần giảm nhưng không đáng kể. Giải thích cho sự sụt giảm này là do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, sau khi tình hình thế giới phục hồi sau đại dịch, số lượng sinh viên Việt Nam du học tại Hàn Quốc tăng lên đáng kể. Sự tăng trở lại này cho thấy sự hiệu quả không chỉ đến từ nền giáo dục chất lượng cao của Hàn Quốc, mà còn là thành quả chứng minh cho những nỗ lực trong hợp tác giáo dục – đào tạo giữa hai nước.



Hình 1. Thống kê số lượng sinh viên Việt Nam sang Hàn Quốc từ năm 2015 đến năm 2024 [29]

Về hợp tác giáo dục, trong giai đoạn 2009-2024, các quỹ học bổng và chương trình trao đổi học giả giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã được đẩy mạnh đáng kể. Chương trình học bổng GKS đã cấp học bổng cho hơn 10.000 sinh viên Việt Nam, giúp họ có cơ hội học tập tại các trường đại học hàng đầu của Hàn Quốc [30]. Ngược lại, khoảng 2.500 sinh viên Hàn Quốc đã đến Việt Nam học tập thông qua các chương trình trao đổi sinh viên và học bổng của các trường đại học Việt Nam [30]. Việt Nam và Hàn Quốc đã đẩy mạnh các quỹ học bổng và các chương trình trao đổi học giả. Vào tháng 10 năm 2018, Quỹ học bổng Lotte Foundation đã trao học bổng trị giá 23.400 USD cho 78 sinh viên từ 10 trường đại học ở Hà Nội [32]. Năm 2024, KF đã trao 60 suất học bổng cho sinh viên tại trường này, mỗi suất ước tính trị giá 250 USD. Năm học 2024-2025, KF và tập đoàn Samsung đã hỗ trợ 15 suất học bổng cho sinh viên ngành Hàn Quốc học tại trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Hà Nội [33]. Ngoài ra còn có những quỹ học bổng khác như Quỹ học bổng Pony Chung của chủ tịch Chung Mong Gyu, tập đoàn Hyundai, Quỹ Hyundai Motor Chung Mong-Koo, v.v. Những chương trình này không chỉ giúp sinh viên hai nước tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến mà còn tạo ra môi trường giao lưu văn hóa, tăng cường hiểu biết lẫn nhau.

Hàn Quốc đã hỗ trợ Việt Nam nâng cấp cơ sở vật chất và kỹ thuật trong lĩnh vực giáo dục. Nhiều dự án xây dựng

và cải tạo trường học, phòng thí nghiệm và thư viện đã được triển khai với sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật từ Hàn Quốc [34]. Samsung Việt Nam đã triển khai dự án “Ngôi trường Hy vọng” nhằm hỗ trợ giáo dục cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại nhiều tỉnh thành trên cả nước. Trường học Hy vọng đầu tiên được xây dựng tại Bắc Ninh và đi vào hoạt động từ năm 2013. Sau đó, các trường lần lượt được khánh thành tại Thái Nguyên (2018), Bắc Giang (2021), Lạng Sơn (2022), Đồng Nai (2023) và Bình Phước (2024) [35]. Bên cạnh Samsung, KOICA đã góp phần nâng cấp cơ sở vật chất cho Việt Nam. Năm 2012, KOICA đã đầu tư 5,4 triệu USD để hỗ trợ Dự án “Nâng cấp trường Cao đẳng Công nghệ thông tin hữu nghị Việt - Hàn lên hệ Đại học”. Tiếp đó, theo Biên bản thỏa thuận, trong thời gian bốn năm từ năm 2012 đến năm 2016, KOICA tuyên bố đầu tư với số tiền là 5,4 triệu USD để xây dựng Trung tâm IT; khu Thí nghiệm, mua sắm trang thiết bị, xây dựng chương trình đào tạo [36]. Gần đây, năm 2024, Trường Đại học Nha Trang được KOICA trang bị 50 bộ máy tính, 100 màn hình, 3 máy chủ hiệu suất cao, cùng các thiết bị hiện đại khác [37]. Các trường đại học Việt Nam đã nhận được trang thiết bị hiện đại, phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các chương trình đào tạo liên kết và hợp tác nghiên cứu.

Các trường đại học của hai nước đã chú trọng xây dựng và phát triển các ngành học liên quan đến văn hóa, ngôn ngữ và lịch sử của Việt Nam và Hàn Quốc. Tại trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, năm 2021 đã mở ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc với 76 sinh viên nhập học. Con số này tăng dần đều theo đề án tuyển sinh vào năm 2022 là 108 sinh viên, năm 2023 là 110 sinh viên [38]. Gần đây, giữa năm 2024, trường đã mở thêm ngành Hàn Quốc học, đáp ứng nhu cầu đào tạo chuyên sâu về nghiên cứu Hàn Quốc. Bên cạnh đó, nhiều trung tâm nghiên cứu và giảng dạy về văn hóa và ngôn ngữ Hàn Quốc đã được thành lập tại Việt Nam, cung cấp các khóa học tiếng Hàn và tổ chức các sự kiện văn hóa nhằm giới thiệu văn hóa Hàn Quốc đến người dân Việt Nam [39]. Ở chiều ngược lại, các trung tâm văn hóa Việt Nam tại Hàn Quốc cũng tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn hóa, giúp người dân Hàn Quốc hiểu biết thêm về văn hóa Việt Nam [39]. Ngôn ngữ vốn là công cụ giao tiếp cơ bản trong mọi hoạt động học thuật và công việc, việc tăng cường và xây dựng các ngành học liên quan đến Việt Nam và Hàn Quốc sẽ gia tăng sự gắn kết giữa nhân dân hai nước.

Về hợp tác đào tạo, Việt Nam và Hàn Quốc tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học giữa các trường đại học và viện nghiên cứu của hai nước đã được đẩy mạnh với hơn 200 dự án nghiên cứu chung được triển khai vào năm 2023 trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, y học, nông nghiệp và môi trường. Các dự án này đã thu hút sự tham gia của hơn 1000 nhà khoa học và giảng viên từ cả hai nước, tạo ra nhiều công trình nghiên cứu có giá trị và ứng dụng thực tiễn cao [40], [41]. Trong hơn một thập kỷ qua, hợp tác khoa học và công nghệ giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã không ngừng phát triển, đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Một trong những dấu ấn tiêu biểu là việc thành lập Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (VKIST) năm 2014, nơi được kỳ vọng trở thành trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo

hàng đầu tại Việt Nam [42]. Năm 2023, tại Diễn đàn Hợp tác ICT Việt Nam – Hàn Quốc, hai nước đã chính thức thành lập Liên minh hợp tác công nghệ thông tin Việt Nam – Hàn Quốc (Vietnam – Korea IT Cooperation Alliance) [43]. Những kết quả nghiên cứu này không chỉ đóng góp vào sự phát triển khoa học và công nghệ của cả hai nước mà còn tạo ra những giải pháp hữu ích cho các vấn đề toàn cầu. Thông qua hợp tác đào tạo, hai nước có thể nâng cao nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển các lĩnh vực như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, giáo dục số. Từ đó, hợp tác đào tạo trở thành bước đệm để nhân dân hai nước học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau và cùng nhau phát triển bền vững.

5. Đánh giá tác động các hoạt động hợp tác giáo dục – đào tạo Việt Nam – Hàn Quốc giai đoạn 2009 – 2024 đến thúc đẩy giao lưu nhân dân & Triển vọng đến năm 2030

5.1. Đánh giá

5.1.1. Thành tựu

Các hoạt động hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Hàn Quốc trong giai đoạn 2009 – 2024 đã góp phần không nhỏ việc nâng và thúc đẩy giao lưu nhân dân giữa hai quốc gia. Thông qua các chương trình đào tạo nghề, kỹ thuật và hợp tác nghiên cứu, trình độ chuyên môn của sinh viên và giảng viên cũng như đội ngũ nghiên cứu đã được cải thiện đáng kể. Nhiều dự án nghiên cứu chung giữa các trường đại học và viện nghiên cứu của hai nước, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật và y học đã mang lại kết quả tích cực, góp phần vào sự phát triển khoa học – công nghệ và kinh tế – xã hội của cả hai bên. Đồng thời, sự hợp tác hiệu quả này còn tạo điều kiện để Việt Nam quảng bá hình ảnh đất nước, nâng cao uy tín giáo dục và tạo ấn tượng tích cực đối với du học sinh Hàn Quốc cũng như cộng đồng quốc tế, và ngược lại.

Bên cạnh đó, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo và nghiên cứu chung đã giúp Việt Nam hình thành đội ngũ lao động có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Điều này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Bên cạnh đó, các hoạt động giao lưu văn hóa và giáo dục đã mở rộng không gian hợp tác, tạo nền tảng vững chắc để thúc đẩy các mối quan hệ kinh tế, văn hóa và xã hội giữa hai quốc gia. Sự hiện diện của các doanh nghiệp Hàn Quốc như Samsung, Lotte, v.v đã đầu tư mạnh mẽ vào Việt Nam với những suất học bổng hấp dẫn, tạo ra nhiều cơ hội việc làm và thúc đẩy sự phát triển kinh tế của cả hai quốc gia là minh chứng rõ nét cho kết quả hợp tác giáo dục – đào tạo của hai bên. Những nỗ lực này không chỉ góp phần tăng trưởng kinh tế mà còn giúp Việt Nam và Hàn Quốc xây dựng được hình ảnh quốc gia năng động, tốt đẹp, thân thiện, giàu tiềm năng trong mắt các tổ chức giáo dục, doanh nghiệp, và sinh viên quốc tế.

5.1.2. Hạn chế

Một trong những hạn chế lớn nhất trong hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Hàn Quốc là sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa. Ngôn ngữ là một rào cản quan trọng, gây khó khăn cho việc giao tiếp và hiểu biết lẫn nhau. Mặc dù, đã có nhiều chương trình dạy tiếng Hàn tại Việt Nam và tiếng Việt tại Hàn Quốc, nhưng việc học một

ngôn ngữ mới đòi hỏi thời gian và nỗ lực lớn. Nhiều sinh viên và giảng viên gặp khó khăn trong việc nắm bắt ngôn ngữ của nước bạn, dẫn đến việc giao tiếp không hiệu quả và hiểu lầm trong quá trình học tập và làm việc.

Một hạn chế khác là thiếu các chương trình hợp tác dài hạn và một số hoạt động chưa khai thác hết những tiềm năng của hai quốc gia. Mặc dù đã có nhiều chương trình trao đổi sinh viên và học bổng, nhưng phần lớn các chương trình này chỉ kéo dài trong một thời gian ngắn, từ vài tháng đến một vài năm [44]. Điều này không đủ để tạo ra những ảnh hưởng sâu rộng và bền vững trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Các chương trình hợp tác dài hạn, như các dự án nghiên cứu chung và các chương trình đào tạo liên kết, cần được thúc đẩy và mở rộng để tạo ra những kết quả bền vững và lâu dài.

5.2. Vai trò của hợp tác giáo dục – đào tạo trong thúc đẩy hoạt động ngoại giao nhân dân Việt Nam – Hàn Quốc

Hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Hàn Quốc từ năm 2009 đến 2024 đã góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy quan hệ ngoại giao nhân dân giữa hai quốc gia. Thông qua các chương trình trao đổi sinh viên, học bổng và hợp tác nghiên cứu, hai nước đã xây dựng được nền tảng vững chắc cho sự hiểu biết lẫn nhau, góp phần vào việc phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện và nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

Việc hợp tác giáo dục – đào tạo đã tạo điều kiện cho hàng ngàn sinh viên Việt Nam và Hàn Quốc tham gia các chương trình trao đổi, học bổng và giao lưu văn hóa. Những chương trình này không chỉ giúp sinh viên tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến mà còn tạo cơ hội để họ hiểu biết sâu sắc hơn về văn hóa, lịch sử và xã hội của nước bạn. Các hoạt động giao lưu văn hóa như các lễ hội văn hóa, các cuộc thi nghệ thuật và các buổi hội thảo chuyên đề, đã giúp sinh viên và giảng viên hai nước có cơ hội trải nghiệm và học hỏi lẫn nhau, từ đó tạo ra những kết nối sâu sắc, bền vững.

Từ năm 2009, khi hai nước nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược, hợp tác giáo dục đã trở thành một trong những trụ cột chính, góp phần tăng cường hiểu biết lẫn nhau và xây dựng nền tảng vững chắc cho quan hệ song phương. Các chương trình đào tạo nghề, kỹ thuật và hợp tác nghiên cứu đã giúp nâng cao trình độ chuyên môn của sinh viên và giảng viên, từ đó góp phần vào sự phát triển kinh tế – xã hội của cả hai quốc gia. Nhiều dự án nghiên cứu chung giữa các trường đại học và viện nghiên cứu của hai nước đã được triển khai, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Điều này không chỉ mang lại lợi ích cho cá nhân mà còn đóng góp vào sự phát triển kinh tế – xã hội của cả hai quốc gia.

Việt Nam và Hàn Quốc tăng cường hợp tác giáo dục – đào tạo đã góp phần nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội. Các dự án hợp tác giáo dục tiêu biểu như chương trình trao đổi sinh viên và hợp tác nghiên cứu, đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của cả hai nước, trở thành động lực để thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực mũi nhọn như công nghệ, công nghiệp nặng, v.v. Đánh giá tác động của hợp tác giáo dục đến quan hệ ngoại giao cho thấy, những chương trình này đã giúp tăng cường sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, góp phần xây dựng mối quan hệ song phương bền vững và lâu dài.

5.3. Triển vọng hợp tác đến năm 2030

5.3.1. Cơ sở dự báo

Theo Đề án Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học với các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến, bao gồm Hàn Quốc [7]. Trong buổi gặp giữa Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Việt Nam Nguyễn Kim Sơn và Đại sứ Hàn Quốc tại Việt Nam Choi Youngsam vào tháng 3/2025 tại Hà Nội, hai bên thống nhất về mong muốn tiếp tục tăng cường thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Việt Nam và Hàn Quốc. Trong cuộc gặp này, phía Hàn Quốc đề nghị Việt Nam quan tâm hỗ trợ Văn phòng đại diện giáo dục Hàn Quốc tại Việt Nam được gia hạn thời gian hoạt động (thay vì kết thúc thời hạn vào cuối năm 2025) nhằm đóng góp nhiều hơn nữa trong công tác thúc đẩy các hoạt động giáo dục giữa hai bên. Ngoài ra, Hàn Quốc cũng mong muốn Việt Nam sớm thẩm định và ban hành bộ sách tiếng Hàn chuẩn để đưa vào giảng dạy trong chương trình phổ thông của Việt Nam. Ở chiều ngược lại, Việt Nam mong muốn Hàn Quốc hỗ trợ các chương trình về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, đổi mới khoa học kỹ thuật, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp Việt Nam vào quá trình đào tạo.

5.3.2. Triển vọng hợp tác

Dự báo đến năm 2030, Việt Nam và Hàn Quốc được kỳ vọng sẽ tiếp tục mở rộng, tập trung vào các chương trình trao đổi học thuật, các chương trình đào tạo nguồn lực chất lượng cao, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Cả hai quốc gia đều coi trọng vai trò của giáo dục trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phát triển bền vững và nâng cao vị thế quốc gia. Hai bên sẽ tiếp tục đẩy mạnh các chương trình hợp tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật, y học và các ngành công nghệ khác như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) và công nghệ blockchain trong giáo dục và đào tạo, giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, từ đó tạo ra những cơ hội hợp tác mới giữa hai quốc gia. Với nền tảng hợp tác vững chắc, triển vọng đến năm 2030 cho thấy quan hệ giáo dục Việt – Hàn không chỉ góp phần phát triển nguồn nhân lực mà còn là động lực quan trọng thúc đẩy giao lưu nhân dân và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước.

6. Khuyến nghị chính sách cho Việt Nam

Giáo dục – đào tạo là nền tảng cốt lõi cho sự phát triển bền vững và là yếu tố then chốt trong việc nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Trong kỷ nguyên 4.0 và hội nhập quốc tế sâu rộng, giáo dục không nên bó hẹp trong khuôn khổ truyền thống, mà cần chủ động hội nhập và mở rộng hợp tác quốc tế, đặc biệt là với các đối tác chiến lược như Hàn Quốc. Để đẩy mạnh hơn nữa quan hệ giao lưu nhân dân thông qua giáo dục – đào tạo, Việt Nam cần có những định hướng chính sách rõ ràng, đồng bộ và hiệu quả. Cụ thể:

Thứ nhất, chủ động rà soát, cải thiện và hoàn thiện các chính sách hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo nhằm thích ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển bền vững. Trong đó, ưu tiên việc điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho việc ký kết các hiệp định hợp tác giáo dục với Hàn Quốc, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quá trình thực thi. Đồng thời, các tiêu chuẩn chung về công nhận bằng cấp, tín chỉ và chương

trình đào tạo liên kết cần được đẩy mạnh thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam với các cơ quan giáo dục quốc tế.

Thứ hai, Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa các chương trình liên kết, trao đổi sinh viên, học giả giữa Việt Nam và Hàn Quốc, cũng như mở rộng việc cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam ra nước ngoài và sinh viên Hàn Quốc đến Việt Nam học tập. Đây là cầu nối hiệu quả để quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam đến bạn bè quốc tế, đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên Việt Nam tích lũy tri thức và kinh nghiệm trong môi trường học thuật tiên tiến. Các hoạt động này sẽ góp phần thúc đẩy hiểu biết lẫn nhau, tăng cường gắn kết giữa nhân dân hai nước.

Thứ ba, Việt Nam cần đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào giáo dục và đầu tư nâng cao cơ sở vật chất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác giáo dục quốc tế. Việc tận dụng hiệu quả các nguồn đầu tư từ nước ngoài để nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, thu hút sinh viên và các nhà nghiên cứu quốc tế đến Việt Nam. Qua đó, không chỉ tạo dựng được một môi trường giáo dục hiện đại, năng động mà còn mở rộng không gian giao lưu nhân dân với các quốc gia trên thế giới, trong đó có Hàn Quốc.

7. Kết luận

Bài viết này đã phân tích những nhân tố, hoạt động thực tiễn, đánh giá và dự báo những triển vọng trong hợp tác giáo dục – đào tạo nhằm thúc đẩy ngoại giao nhân dân giữa Việt Nam và Hàn Quốc giai đoạn 2009 – 2024. Hoạt động thúc đẩy ngoại giao nhân dân trong hợp tác giáo dục – đào tạo giữa Việt Nam và Hàn Quốc giai đoạn 2009 – 2024 đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần thúc đẩy quan hệ song phương, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo và tạo ra những cơ hội hợp tác và phát triển bền vững giữa hai quốc gia. Những thành tựu này không chỉ phản ánh sự nỗ lực và cam kết của cả hai bên mà còn khẳng định vai trò quan trọng của hợp tác giáo dục trong việc xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Tầm nhìn đến năm 2030, việc tiếp tục phát triển và mở rộng các hoạt động giao lưu nhân dân trong hợp tác giáo dục – đào tạo sẽ là yếu tố quan trọng, góp phần thúc đẩy quan hệ song phương và mang lại lợi ích cho cả hai nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Tuoi Tre Newspaper, “Vietnam ranks second in the number of international students studying in South Korea”, *tuoitre.vn*, June 09 2023. [Online]. Available: <https://tuoitre.vn/viet-nam-dung-thu-hai-ve-so-sinh-vien-quoc-te-theo-hoc-tai-han-quoc-20230509143851498.htm> [Accessed December 12, 2025].

[2] KEDI, “2023 KEDI Annual Report”, Korean Educational Development Institute, Korea, Annual Report, 2023.

[3] K. A. Mingst and I. M. Arreguin-Toft, *Essentials of International Relations*. New York: W.W. Norton & Company, 2011.

[4] N. J. Cull, “Public Diplomacy” Before Gullion: The Evolution of a Phrase”, *uscpublicdiplomacy.org*, April 18, 2006. [Online]. Available: <https://uscpublicdiplomacy.org/blog/public-diplomacy-gullion-evolution-phrase> [Accessed April 22, 2025].

[5] Vietnam Union of Friendship Organizations, *People-to-people diplomatic activities in Vietnam*, National Political Publishing House, 2003.

[6] Communist Party of Vietnam, *Complete Party Documents, Volume 60*. Hanoi: National Political Publishing House – Truth, 2016.

[7] Ministry of Education and Training, *Approval of the International Integration Scheme in Education and Training until 2030*, No. 1600/QĐ-TTg, 2024.

- [8] Central Executive Committee, *Resolution on International Integration*, No. 22-NQ/TW, 2013.
- [9] Prime Minister, *Approval of the Scheme on International Integration in Education and Vocational Training until 2020*, No. 2448/QĐ-TTg, 2013.
- [10] P. T. C. Van, "Educational Cooperation at the University Level between Vietnam and South Korea from 1992 to 2023", *Vinh University Journal of Science Social Science and Humanities*, vol. 53, no. 2, pp. 70-81, 2024.
- [11] P. Q. Hung, "Report on the Results of International Cooperation and Integration in Education and Training after 10 Years of Implementing Resolution 29-NQ/TW", in *Ministry of Education and Training, Ha Noi*, 2023.
- [12] World Population Review, "Literacy Rate by Country 2024", *worldpopulationreview.com*, 2024. [Online]. Available: <https://worldpopulationreview.com/country-rankings/literacy-rate-by-country> [Accessed February 03, 2025].
- [13] NCES, "PISA 2022 U.S. Results", *nces.ed.gov*, 2022. [Online]. Available: <https://nces.ed.gov/surveys/pisa/pisa2022/#/> [Accessed February 03, 2025].
- [14] OECD, "Income-based tax relief for R&D and innovation – an integrated view", Organisation for Economic Co-operation and Development, OECD KNOWINTAX project, November 2023.
- [15] WIPO, "World Intellectual Property Report 2022: The Direction of Innovation.", World Intellectual Property Organization, Geneva, Switzerland, World Intellectual Property Report, 2022.
- [16] H. Ki, "Korea to support the domestic biotech sector in generating \$76.9 billion by 2030", *koreatechtoday.com*, June 7, 2023. [Online]. Available: <https://koreatechtoday.com/korea-to-support-the-domestic-biotech-sector-in-generating-76-9-billion-by-2030/> [Accessed April 20, 2025].
- [17] QS Top University, "QS World University Rankings 2025: Top global universities", *topuniversities.com*, June 04, 2024. [Online]. Available: <https://www.topuniversities.com/world-university-rankings> [Accessed February 18, 2025].
- [18] NIIED, "GKS Degree Program", *topuniversities.com*, [Online]. Available: <http://www.niied.go.kr/user/nd35203.do> [Accessed February 18, 2025].
- [19] OECD, "Development Co-operation Report 2024: Tackling Poverty and Inequalities through the Green Transition", OECD, Paris, Development Co-operation Report 2024, 2024.
- [20] Ministry of Culture, Sports and Tourism, "Enhancing collaboration in tourism, commerce, and education between Vietnam and South Korea", *bvhttdl.gov.vn*, December 02, 2024. [Online]. Available: <https://bvhttdl.gov.vn/tang-cuong-hop-tac-du-lich-thuong-mai-va-giao-duc-giua-viet-nam-han-quoc-20241202084205903.htm> [Accessed April 13, 2025].
- [21] B. M. Hung, "An Overview of South Korean Education and Lessons for Vietnam", *Ho Chi Minh University of Education Journal of Science*, no. 34, pp. 3-11, 2012.
- [22] General Statistics Office, "Press release on the labor and employment situation in Q4 and the year 2024.", *gso.gov.vn*. [Online]. Available: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2024/> [Accessed April 13, 2025].
- [23] N. T. T. Thuy, "Strategies to Leverage South Korea's 'Soft Power' and Their Implications for Vietnam", *tapchicongsan.org.vn*, June 22, 2020. [Online]. Available: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/816904/chien-luoc-phat-huy-%E2%80%9C9Csuc-manh-mem%E2%80%9D9D-cua-han-quoc-va-y-nghia-tham-chieu-doi-voi-viet-nam.aspx> [Accessed April 20, 2025].
- [24] H. Van, "South Korean President Affirms Support for Vietnam in Semiconductors and Cultural Industries", *baochinhphu.vn*, July 02, 2024. [Online]. Available: <https://baochinhphu.vn/tong-thong-han-quoc-khang-dinh-ho-tro-viet-nam-ve-ban-dan-cong-nghiep-van-hoa-10224070220161582.htm> [Accessed April 20, 2025].
- [25] Government Electronic Newspaper, "Vietnam - South Korea Upgrade Relations to 'Comprehensive Strategic Partnership'", *baochinhphu.vn*, May 05, 2022. [Online]. Available: <https://baochinhphu.vn/viet-nam-han-quoc-nang-cap-quan-he-len-doi-tac-chien-luoc-toan-dien-102221205184521969.htm> [Accessed February 01, 2025].
- [26] P. Q. Tin, L. T. P. Loan and V. T. Giang, "Factors influencing Vietnamese students' decisions to study in South Korea", *The University of Danang - Journal of science and Technology*, vol. 22, no. 6, pp. 66-75, 2024.
- [27] B. M. Nghia, "International Cooperation in Higher Education and Training - Policies, Results, and Strengthening Solutions", *lyluanchinhtri.vn*, October 08, 2024. [Online]. Available: <https://lyluanchinhtri.vn/hop-tac-quoc-te-ve-giao-duc-dao-tao-dai-hoc-chu-truong-ket-qua-va-giai-phap-tang-cuong-6460.html> [Accessed January 01, 2025].
- [28] The Korea Herald, "Hallyu, brokers and students' Korean dreams", *koreaherald.com*, March 13, 2024. [Online]. Available: <https://www.koreaherald.com/article/3346863> [Accessed February 18, 2025].
- [29] N. Long, "The number of Vietnamese students studying in South Korea has reached a record high, the highest in the past 9 years.", *thanhnien.vn*, July 30, 2024. [Online]. Available: <https://thanhnien.vn/nguoi-viet-du-hoc-han-quoc-dat-so-luong-ky-luc-cao-nhat-trong-9-nam-qua-185240730142440859.htm> [Accessed April 25, 2025].
- [30] L. V. Dung and N. H. Phuc, "Achievements in Vietnam - South Korea Educational Cooperation", *Equipment with new general education program*, vol. 1, no. 302, pp. 49-51, 2023.
- [31] N. P. Mai, N. T. K. Ngan, and N. T. T. Huyen, "Cultural Exchange and Acculturation in History - The Case of Vietnam and South Korea in the Early Decades of the 21st Century", *Hung Vuong University Journal of Science and Technology*, vol. 32, no. 3, pp. 58-66, 2023.
- [32] ULIS, "Five ULIS students received the 22nd Lotte Scholarship.", *ulis.vnu.edu.vn*, October 24, 2018. [Online]. Available: <https://ulis.vnu.edu.vn/5-sinh-vien-ulis-duoc-nhan-hoc-bong-lotte-lan-thu-22/> [Accessed April 25, 2025].
- [33] VNU-USSH, "Korea Foundation Scholarship for VNU-USSH Students: A Bridge of Friendship and Cooperation between South Korea and Vietnam.", *ussh.vnu.edu.vn*, December 12, 2024. [Online]. Available: <https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/hop-tac-phat-trien/hoc-bong-korea-foundation-cho-sinh-vien-vnu-uss-hau-noi-hop-tac-huu-nghi-giua-han-quoc-va-viet-nam-23064.html> [Accessed April 25, 2025].
- [34] N. T. H. Trang, "Educational and Training Cooperation between Vietnam and South Korea: A 30 Year Review", *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 09, no. 227, pp. 210-218, 2022.
- [35] Samsung, "Samsung Vietnam Begins Construction of the Hope School in Binh Phuoc", *news.samsung.com*, March 14, 2024. [Online]. Available: <https://news.samsung.com/vn/samsung-viet-nam-khoi-cong-xay-dung-ngoi-truong-hy-vong-tai-binh-phuoc> [Accessed April 25, 2025].
- [36] D. T. Thao and N. T. P. Lan, "KOICA's activities in Vietnam", *tapchicongsan.org.vn*, June 3, 2013. [Online]. Available: <https://tapchicongsan.org.vn/nghien-cu/-/2018/21829/hoat-dong-cua-to-chuc-koica-o-viet-nam.aspx> [Accessed April 25, 2025].
- [37] Nha Trang University, "Nha Trang University organizes the closing ceremony of the KOICA IBS project", *www.ntu.edu.vn*, December 13, 2024. [Online]. Available: <https://www.ntu.edu.vn/tin-tuc/truong-dai-hoc-nha-trang-to-chuc-le-ket-thuc-du-an-koica-ibs> [Accessed April 25, 2025].
- [38] UFLS, "Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024", *tuyensinh.ufl.udn.vn*, July 24, 2024. [Online]. Available: <https://tuyensinh.ufl.udn.vn/de-an-tuyen-sinh/> [Accessed April 25, 2025].
- [39] D. H. Linh and V. T. K. Oanh, "Promoting Connectivity and Cooperation in Education and Training between Vietnam and South Korea", *quanlynhanuoc.vn*, April 20, 2021. [Online]. Available: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/04/20/day-manh-ket-noi-hop-tac-giao-duc-va-dao-tao-viet-nam-han-quoc/> [Accessed February 18, 2025].
- [40] V. T. Hai, L. T. T. Huong, and N. T. Tuan, "Solutions for Developing Scientific Research and International Cooperation at Universities", *Journal of Educational Equipment*, no. Special Issue July, pp. 341-343, 2021.
- [41] N. B. Minh and N. V. Tuan, "Some Solutions to Enhance Scientific Research Activities of University Lecturers in Vietnam", *QUI Journal of Science and Technology*, 2020.
- [42] Vietnam Journal of Science and Technology, "A New Step in Vietnam-South Korea Science and Technology Cooperation", *vjst.vn*, November 14, 2024. [Online]. Available: <https://vjst.vn/vn/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=12167&tiende=bu-oc-tien-moi-trong-hop-tac-khoa-hoc-va-cong-nghe-viet-nam--han-quoc.aspx> [Accessed April 25, 2025].
- [43] A. Minh, "Viet Nam - Han Quoc chinh thuc thanh lap Lien minh hop tac CNTT", *ictvietnam.vn*, November 6, 2023. [Online]. Available: <https://ictvietnam.vn/viet-nam-han-quoc-chinh-thuc-thanh-lap-lien-minh-hop-tac-cntt-60242.html> [Accessed April 25, 2025].
- [44] University of Social Sciences and Humanities - VNU-HCM, "Student Exchange Program with Chonnam National University, South Korea", *hcmussh.edu.vn*, February 23, 2024. [Online]. Available: <https://hcmussh.edu.vn/news/item/30272> [Accessed February 10, 2025].